

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Công	Hiền	3772050676	08/02/1994	,00			
2	Nguyễn Văn	Hiền	3772050677	04/10/1995	1,00	,00	,30	
3	Nguyễn Văn	Hưng	3772050688	04/01/1995	1,00	4,00	3,10	
4	Ngô Văn	Mừng	3772050694	06/01/1995	2,00	1,00	1,30	
5	Nguyễn Tiến	Quang	3772050696	04/02/1995	3,00	2,50	2,70	
6	Tạ Công	Đồng	3772050697	30/06/1995	2,00	,00	,60	
7	Nguyễn Chí	Cường	3772050698	21/02/1995	2,00	1,30	1,50	
8	Trần Minh	Dũng	3772050701	06/03/1995	,00			
9	Đặng Song	Lam	3772050703	08/03/1995	2,00			
10	Đoàn Thanh	Hưng	3772050704	28/06/1995	2,00	,00	,60	
11	Đỗ Công	Linh	3772050706	21/05/1995	,00	,00	,00	CT
12	Phạm Trọng	Nghĩa	3772050707	23/02/1993	1,00			
13	Hồ Thanh	Liêm	3772050708	26/04/1995	1,50	2,00	1,90	
14	Huỳnh Trung	Quý	3772050710	19/10/1995	3,00	,00	,90	
15	Nguyễn Đức	Trung	3772050711	10/09/1994	,00			
16	Dương Tuấn	Kiệt	3772050723	23/05/1994	1,50	,00	,50	
17	Trần Văn	Vĩnh	3772050726	05/07/1995	5,00	5,80	5,60	
18	Trần Ngọc	Tây	3772050727	10/10/1995	3,00	4,50	4,10	
19	Nguyễn Công	Hậu	3772050736	11/10/1995	5,00	3,00	3,60	
20	Trần	Hưng	3772050745	22/06/1995	2,00	,00	,60	
21	Lê Viết	Cường	3772050753	13/01/1994	1,00	,00	,30	
22	Lê Hữu	Hiệp	3772050759	10/06/1993	2,00	1,00	1,30	
23	Phạm Ngọc	Dự	3772050761	25/04/1995	5,00	1,00	2,20	
24	Nguyễn	Mỹ	3772050764	20/01/1995	7,00	6,00	6,30	
25	Hồ Thanh	Son	3772050771	26/09/1994	,00			
26	Bế Văn	Công	3772050775	07/10/1995	2,00	,00	,60	
27	Nguyễn Bá	Lim	3772050780	27/01/1995	3,00	3,00	3,00	
28	Nguyễn Văn	Trị	3772050782	17/04/1995	4,00	1,30	2,10	
29	Nguyễn Tấn	Vũ	3772050786	12/11/1995	2,00	1,00	1,30	
30	Huỳnh Phi	Hùng	3772050790	08/01/1995	1,00	,00	,30	
31	Nguyễn Thiên	Nhật	3772050802	26/11/1995	1,00	,00	,30	
32	Phạm Văn	Cường	3772050821	20/02/1995	,00			
33	Nguyễn Văn	Nghĩa	3772050823	14/09/1995	1,00	,00	,30	
34	Tô Thanh	Mộng	3772050827	16/04/1995	,00	,00	,00	
35	Phạm Lê Xuân	Trường	3772051128	10/05/1995	,00			

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phan Lê Đắc Tú	3772051137	20/11/1995	3,00	,00	,90	
37	Lê Văn Thuận	3772051157	29/03/1995	3,00	,00	,90	
38	Trương Long	3772051159	21/07/1995	,00			
39	Đỗ Ngọc Tiến	3772051161	30/06/1995	1,00	,00	,30	
40	Lê Công Nhất	3772051180	26/03/1995	2,00	,00	,60	
41	Nguyễn Văn Tơ	3772051183	23/11/1994	,00			
42	Nguyễn Văn Thu	3772051188	20/12/1994	,00			
43	Trần Đình Đỗ	3772051195	01/07/1995	2,00	,00	,60	
44	Đặng Minh Nhí	3772051207	19/08/1994	3,00	4,00	3,70	
45	Cao Văn Đạo	3772051227	14/01/1994	,00			
46	Tiêu Văn Khiêm	3772051229	16/12/1995	,10	,00	,00	
47	Phạm Văn Dương	3772051249	11/04/1995	,00			
48	Nguyễn Văn Trung	3772051260	26/03/1995	,00	,00	,00	CT
49	Trần Phú Thuận	3772051272	16/05/1995	5,00	1,00	2,20	
50	Phạm Ngọc Thắng	3772051296	02/03/1995	2,00	,00	,60	
51	Nguyễn Văn Hòa	3772051317	23/03/1995	,00			
52	Võ Sỹ Anh Tuấn	3772051319	02/01/1994	3,00			
53	Phạm Thanh Tuấn	3772051334	20/10/1994	3,00	4,50	4,10	
54	Nguyễn Văn Mạnh	3772051339	18/05/1993	1,00	2,00	1,70	
55	Giáp Phan Ngọc Quyền	3772051361	17/04/1994	3,00	2,00	2,30	
56	Đặng Phong Phú	3772051367	14/04/1995	5,00	4,00	4,30	
57	Nguyễn Trọng	3772051377	11/11/1994	7,00	4,00	4,90	
58	Phan Văn Tuấn	3772051405	12/01/1995	,00	,00	,00	CT

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)